

Số: /QĐ-SYT Đăk Lăk, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh tuân 13 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đăk Lăk;

Căn cứ Biên bản họp ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 76 cá nhân đủ điều kiện (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Thu hồi 13 Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đăk Lăk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 13 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 03 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	H Mai Ly Niê	02/10/1999	06619901320	16/09/2024	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001829/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
2	Huỳnh Thị Lài	06/07/1985	066185014062	23/07/2025	Bộ Công an	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	001830/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
3	Nguyễn Thị Nhớ	14/04/1998	066198009642	07/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	001831/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
4	Trần Ngọc Mai	17/05/2003	066303016934	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001832/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
5	Nguyễn Trần Gia Nguyên	05/02/2003	054303005113	16/08/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001833/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
6	Đặng Duy Bình	23/04/2003	066203011374	25/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001834/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
7	Hoàng Trần Thủy Tiên	21/10/2003	058303003303	01/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001835/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
8	Nguyễn Thị Hồng Loan	10/11/1995	052195003442	06/08/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001836/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Lương Thị Thanh Hà	28/08/2003	066303002228	01/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001837/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
10	Phùng Thị Minh Thư	28/11/2003	054303003851	04/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001838/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	Hoàng Thị Thảo	28/06/2003	066303017308	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001839/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Bùi Thị Thùy Dung	05/02/2003	066303006706	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001840/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
13	Nguyễn Hoài Thương Thảo	22/10/2000	054300004043	31/10/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001841/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
14	Nguyễn Anh Duy	25/01/1998	054098004969	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	001842/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	H Rim Ayün	08/02/2003	066303000269	17/02/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001843/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	Nguyễn Thị Kim Cương	10/09/2003	066303011403	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001844/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	Trần Hữu Ân	06/05/2002	066202011698	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001845/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	Lê Thị Tuyết Mai	19/04/2003	064303000877	08/07/2024	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001846/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
19	Lê Thị Bích Phương	28/04/2003	054303002416	23/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001847/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
20	H Trâm Hđok	28/07/2002	066302015077	05/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001848/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
21	Trần Thị Kim Oanh	16/11/2003	040303016277	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001849/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	Lê Quỳnh Như	21/04/2003	054303001226	29/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001850/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	Nguyễn Thị Xuân Tính	04/06/2002	054302004177	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001851/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	Nguyễn Phan An Hòa	03/01/2004	066304017960	21/03/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001852/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
25	Nguyễn Thị Bảo An	15/08/2004	066304002307	19/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001853/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Nguyễn Thị Bích Thuận	05/11/2003	066303013248	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001854/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
27	Đặng Tuyết Ngân	14/04/2003	066303005075	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001855/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
28	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	03/03/2003	066303001540	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001856/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	Huỳnh Thị Thanh Nhi	23/05/2004	066304008445	15/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001857/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
30	Vũ Anh Vũ	26/01/2004	066204002530	29/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001858/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
31	Nguyễn Thị Thủy	28/04/1998	066198016912	01/11/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Kỹ thuật viên xét nghiệm	001859/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
32	Cao Ngọc Mai	04/11/2003	066303008536	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001860/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
33	Kiều Thị Cẩm Vân	30/06/2000	054300010107	10/06/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	001861/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
34	Nguyễn Bá Nhất	10/03/1975	001075044500	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001862/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
35	Hứa Thị Kiều Oanh	16/09/2004	066304008498	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001863/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
36	Nông Thị Anh Thu	18/06/2004	066304000828	01/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001864/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
37	Trương Xuân Nam	06/06/1993	066093014011	29/07/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	001865/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
38	Nguyễn Tân Phương	16/06/1999	066099013791	11/08/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001866/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
39	Võ Thành Nam	02/07/2000	054200003948	07/07/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001867/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
40	Nguyễn Thị Ngọc Quý	05/05/2003	066303015127	05/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001868/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
41	Dương Vũ Hoài Yên	02/06/1999	066199002232	09/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001869/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
42	H Tuệ Mlô	12/12/2003	066303001905	12/01/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001870/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
43	Nguyễn Thanh Phúc	12/09/2003	054303003227	02/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001871/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
44	Hồ Quang Tuyên	31/07/1992	066092004732	13/01/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001872/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
45	Nguyễn Thị Phương	16/08/1987	054187002800	28/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Đa khoa	001873/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
46	Trần Thị Hạnh	30/08/1984	054184006108	08/08/2024	Bộ Công an	Y sĩ	Đa khoa	001874/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
47	Võ Thị Tình	07/10/1987	054187006774	28/06/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Đa khoa	001875/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
48	Võ Nguyễn Yên Vy	04/01/2000	066300014160	20/12/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001876/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
49	Lê Vũ Thanh Tâm	05/01/2004	066304011498	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001877/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
50	Hoàng Thị Noi	07/09/2003	066303002972	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001878/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
51	Nguyễn Thị Tâm	14/06/2004	066304004940	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001879/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
52	Nông Thị Chanh	03/02/2000	066300005847	10/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm mặt	001880/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
53	Nguyễn Thị Bích Thủy	24/02/2003	066303009738	21/09/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Hộ sinh	Hộ sinh	001881/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
54	Nguyễn Thị Hoàng Phương	22/10/2004	066304002913	29/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001882/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
55	Hà Thị Nguyệt	10/10/2003	054303003405	05/02/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001883/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
56	Dương Thị Thanh	26/03/1994	042194004546	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001884/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
57	Trịnh Hà Vi Knul	02/10/2003	066303016330	02/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001885/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
58	Đào Thị Anh Thư	10/11/2000	054300002863	10/10/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001886/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
59	Đặng Ngọc Anh Thương	19/01/2003	066303011437	21/03/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001887/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
60	Lê Cao Duy	10/02/1999	054099005560	15/05/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001888/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
61	Trương Ngọc Đô	08/08/1982	038082025629	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001889/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại
62	Lương Thị Thanh Thúy	10/02/2000	07030005690	01/04/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001890/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
63	Phạm Ngọc Hà	12/06/1997	066197019935	10/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001891/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
64	Nguyễn Thị Kiều	06/07/2000	066300012222	22/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001892/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
65	Mai Thạch Thảo	12/08/1990	066190017790	27/07/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001893/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại
66	H Nở Êban	05/05/1990	066190018172	28/10/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	001894/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại
67	Trần Văn Hội	18/07/1979	54079006384	17/06/2021	1623888000	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001895/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại
68	Trần Thị Kiều	10/08/1990	054190000348	25/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001896/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
69	Hà Thị Thu Huyền	12/12/1983	052183001200	29/09/2024	Bộ Công an	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001897/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại
70	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/02/1995	066195020218	25/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Da liễu	001898/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại
71	Dương Thị Thu Hà	07/10/1996	054196002992	30/11/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001899/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại
72	Hoàng Trang Hoài Vy	16/07/1991	066191000485	10/07/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Siêu âm tổng quát	001900/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp lại
73	Lý Thị Phương Dung	05/08/2003	066303002862	12/01/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001901/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
74	Bùi Trần Ngọc Uyên	11/05/2000	066300017982	01/03/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001903/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)
75	La Thị Xuân Thảo	18/01/2002	056302008076	18/01/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001904/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
76	Nguyễn Thị Đình Hương	25/12/2000	067300006807	29/12/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001906/ĐL-GPHN	31/03/2026	31/03/2031	Cấp mới (lần đầu)

Danh sách bao gồm 76 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 13 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 03 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Nguyễn Thị Thủy	28/04/1998	241747588	009298/ĐL-CCHN	15/09/2020	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Nguyễn Thị Phương	16/08/1987	221209540	003841/PY-CCHN	09/09/2019	Trung học Điều dưỡng	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y.	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
3	Trần Thị Hạnh	30/08/1984	221133174	003844/PY-CCHN	09/09/2019	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Võ Thị Tình	07/10/1987	221192477	003022/PY-CCHN	24/05/2019	ĐD viên	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	Trương Ngọc Đô	08/08/1982	240742097	002234/ĐL-CCHN	29/10/2013	Điều dưỡng viên	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
6	Mai Thạch Thảo	12/08/1990	241024558	002675/ĐL-CCHN	12/12/2013	CĐ Điều Dưỡng	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh kỹ thuật y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
7	H Nữ Êban	05/05/1990	241257717	008590/ĐL-CCHN	19/03/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa Da liễu cơ bản	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
8	Trần Văn Hội	18/07/1979	54079006384	001177/PY-CCHN	21/04/2023	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
9	Trần Thị Kiều	10/08/1990	221271534	003221/PY-CCHN	18/05/2020	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/ 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
10	Hà Thị Thu Huyền	12/12/1983	221055408	0000566/PY-CCHN	22/04/2014	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
11	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/02/1995	066195020218	010001/ĐL-CCHN	04/04/2022	Bác sỹ y khoa	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
12	Dương Thị Thu Hà	04/10/1996	054196002992	001710/ĐL-GPHN	03/02/2026	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
13	Hoàng Trang Hoài Vy	16/07/1991	066191000485	007361/ĐL-CCHN	29/05/2017	BSCK I	Khám bệnh chữa bệnh siêu âm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 13 cá nhân./.